

Số: 2333 /SGDDĐT-GDTCN

Đắk Nông, ngày 20 tháng 12 năm 2017

V/v hướng dẫn thực hiện kế hoạch giáo dục  
và sơ kết học kì I năm học 2017-2018

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã;
- Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh;
- Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;
- Trường Trung cấp nghề Đắk Nông;
- Trung tâm GDNN – GDTX các huyện.

Thực hiện Công văn số 5131/BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện kế hoạch giáo dục và sơ kết học kỳ I năm học 2017-2018; Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

I. Về việc thực hiện Kế hoạch giáo dục học kỳ I năm học 2017 – 2018.

Các đơn vị thực hiện nghiêm túc Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2017-2018 của giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên và Công văn 1545/SGDDĐT-GDTCN ngày 29/8/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2017-2018 đối với GDTX.

II. Về việc sơ kết học kỳ I năm học 2017-2018.

1. Các đơn vị nghiêm túc báo cáo sơ kết học kỳ I năm học 2017-2018 theo Công văn 1545/SGDDĐT-GDTCN ngày 29/8/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2017-2018 đối với GDTX.

2. Báo cáo thống kê số liệu (theo các biểu gửi kèm).

Các biểu mẫu phải điền đầy đủ thông tin, chính xác số liệu và theo đúng các mẫu/biểu.

3. Các Phòng Giáo dục và Đào tạo: tập hợp, gửi kết quả đánh giá trung tâm học tập cộng đồng theo hướng dẫn tại Công văn số 2553/BGDĐT-GDTCN ngày 18/4/2013 (có phụ lục gửi kèm).

4. Thời hạn gửi báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 12/01/2018.

Báo cáo cần có sự so sánh cùng kỳ với năm trước và có các số liệu cụ thể, nêu những kết quả nổi bật, những điển hình tiên tiến, mỗi nội dung cần có minh chứng; những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân chủ quan và khách quan, bài học

kinh nghiệm; các giải pháp trong học kỳ II năm học 2017-2018; các đề xuất, kiến nghị với cấp quản lý.

Báo cáo và biểu thống kê được sử dụng font chữ Times New Roman và gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo qua phần mềm vnptioffice.vn và email: [phonggdtx.sodaknong@moet.edu.vn](mailto:phonggdtx.sodaknong@moet.edu.vn)

Nhận được công văn này, yêu cầu các đơn vị báo cáo đầy đủ nội dung và nộp đúng thời hạn quy định.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu VT, GDTXCN.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Sĩ Thành**

## PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG  
(Kèm theo Công văn số 2333 /SGDDĐT-GDTXCN ngày 20 tháng 12 năm 2017  
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

### 1. Bộ máy quản lý

- Ban giám đốc (có đủ cơ cấu thành phần theo quy định)
- Ban giám đốc được tập huấn chuyên môn nghiệp vụ
- Triển khai và thực hiện văn bản chỉ đạo của cấp trên
- Xây dựng kế hoạch hoạt động sát với thực tiễn địa phương
- Quản lý sử dụng hiệu quả các nguồn lực

### 2. Tổ chức hoạt động

- Điều tra nhu cầu học tập, nắm bắt kịp thời về nhu cầu học tập của người dân
- Thông tin về nội dung, địa điểm, thời gian học kịp thời đến người dân
- Tổ chức tuyên truyền vận động cán bộ, nhân dân tham gia học tập
- Số người dân tham gia học tập/năm:
  - + Số người học Chương trình XMC, GDTTSBC
  - + Số người học nghề ngắn hạn
  - + Số lượt người tham gia học các chuyên đề
- Tổng số các chuyên đề đã thực hiện/năm:
  - + Các chuyên đề Giáo dục pháp luật
  - + Các chuyên đề Giáo dục sức khỏe
  - + Các chuyên đề Giáo dục môi trường
  - + Các chuyên đề Văn hóa xã hội
  - + Các chuyên đề Phát triển kinh tế
  - + Các chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống
  - + Các chuyên đề của chương trình khác
- Các chương trình văn nghệ, thể dục thể thao được phổ biến
- Các hình thức tổ chức lớp học:
  - + Tổ chức lớp học phù hợp đối tượng, điều kiện người học và nội dung của chuyên đề

- + Tổ chức lớp học theo câu lạc bộ
- + Tổ chức lớp học mà trong đó người học thường xuyên được trao đổi, thảo luận, được hướng dẫn tự học và sử dụng Internet vào học tập.
- Tổ chức các hội thi, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề để trao đổi kinh nghiệm tổ chức hoạt động
- Công tác quản lý và lưu trữ hồ sơ hoạt động trung tâm.

### 3. Huy động sự tham gia của xã hội

- Tham gia của cơ quan chuyên môn
- Tham gia của các doanh nghiệp
- Tham gia của nhà hảo tâm
- Tham gia của các cơ sở tôn giáo
- Tham gia của các đoàn thể, tổ chức xã hội

### 4. Hiệu quả hoạt động

- Tỷ lệ biết chữ trong các độ tuổi tăng
- Số người tham gia học tại TTHTCD tăng
- Số hộ nghèo ở địa phương giảm
- Ý thức bảo vệ môi trường được cải thiện rõ rệt
- Thu nhập bình quân /người/năm tăng
- Có nhiều tiến bộ KHKT; và KN tốt được ứng dụng vào cuộc sống
- Bệnh dịch cho người và vật nuôi cây trồng được chủ động phòng tránh
- An ninh chính trị ổn định, tệ nạn xã hội giảm
- Sinh hoạt văn hóa, thể thao, nếp sống văn minh của nhân dân được cải thiện
- Số lượng người dân có việc làm mới sau học nghề ngắn hạn tăng

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

## PHỤ LỤC 2

### NỘI DUNG BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TTHTCĐ

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-GDTXCN ngày tháng 12 năm 2017  
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

1. Tổng số xã, phường, thị trấn:

- Tổng số TTHTCĐ: ..... Tỷ lệ TTHTCĐ/xã(phường): .....
- Số TTHTCĐ đã tổ chức tự đánh giá: .....
- Số TTHTCĐ được Phòng GD&ĐT đánh giá:.....
- Kết quả đánh giá: .....

2. Công tác tập huấn cho cán bộ TTHTCĐ: ....

3. Tổng số người tham gia học tập:.....

- Số người học Chương trình XMC và GDTTSKBC:.....
- Số người học nghề ngắn hạn :.....
- Số lượt người tham gia học các chuyên đề:.....
- Số lượt người học GD kỹ năng sống:.....
- Số người/lượt người học các chương trình khác: .....

4. Các hình thức tổ chức lớp học: .....

5. Kinh phí hoạt động:

- Tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước( theo TT 96/2008/TT-BTC):
- Kinh phí do xã hội hóa:
- Kinh phí do học viên tự nguyện đóng góp:

6. Nhận xét chung về kết quả hoạt động của TTHTCĐ: .....

7. Đề xuất kiến nghị:.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



**Biểu số 1 - GDTX**

Ban hành theo Thông tư

số 39/2011/TT-BGDĐT

ngày 15/9/2011 và TT 41/TT

ngày 22/9/2011

Thời gian nộp thông kê: trước ngày 10/6/2017

**BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

Năm học: 2017 - 2018

(Có đến 31 tháng 12 năm 2017)

Đơn vị báo cáo: Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nội dung	Tổng số	Trong tổng số		
		Nữ	Dân tộc	
			Tổng số dân tộc	Trong đó Nữ
<b>1. Tổng số trung tâm</b>				
1.1 Trung tâm GDTX tỉnh				
1.2 Trung tâm GDTX quận, huyện				
Chia ra: - TT GDTX				
- TT GDTX - Hướng nghiệp hoặc (HN-GDTX)				
- TT GDTX - Dạy nghề hoặc (DN-GDTX)				
- TT GD nghề nghiệp - GDTX				
* Số TTGD TX được giao nhiệm vụ dạy nghề cho LĐ nông thôn theo QĐ 1956				
1.3 Trung tâm học tập cộng đồng				
Trong đó: - Số TTHTCD đã sáp nhập với nhà văn hóa xã, bưu điện xã				
1.4 Trung tâm ngoại ngữ - tin học (NN - TH)				
Trong đó: - TT NN - TH (công lập)				
- TT NN - TH (ngoài công lập)				
- TT NN có vốn đầu tư nước ngoài theo Nghị định 73/2012/NĐ-CP				
1.5 Trường Bổ túc văn hóa				
<b>2. Lớp học văn hóa</b>				
- Bổ túc THCS				
- Bổ túc THPT				
Chia ra: - Lớp 10				
- Lớp 11				
- Lớp 12				
<b>3. Học viên</b>				
3.1 Học viên học văn hóa (tổng số)				
a. Bổ túc THCS				
Chia ra: - Lớp 6				
Trong đó: + Học viên trong độ tuổi phổ cập THCS				
+ Học viên từ 18 tuổi trở lên				
- Lớp 7				
Trong đó: + Học viên trong độ tuổi phổ cập THCS				
+ Học viên từ 18 tuổi trở lên				
- Lớp 8				
Trong đó: + Học viên trong độ tuổi phổ cập THCS				
+ Học viên từ 18 tuổi trở lên				
- Lớp 9				
Trong đó: + Học viên trong độ tuổi phổ cập THCS				
+ Học viên từ 18 tuổi trở lên				
b. Bổ túc THPT				

Chia ra: - Lớp 10				
+ Học viên trong độ tuổi phổ thông				
Trong đó: HV học VH kết hợp với học nghề, TCCN				
+ Người lao động				
Trong đó: Công nhân				
LĐ nông thôn				
+ Cán bộ công chức cấp xã				
- Lớp 11				
+ Học viên trong độ tuổi phổ thông				
Trong đó: HV học VH kết hợp với học nghề, TCCN				
+ Người lao động				
Trong đó: Công nhân				
LĐ nông thôn				
+ Cán bộ công chức cấp xã				
- Lớp 12				
+ Học viên trong độ tuổi phổ thông				
Trong đó: HV học VH kết hợp với học nghề, TCCN				
+ Người lao động				
Trong đó: Công nhân				
LĐ nông thôn				
+ Cán bộ công chức cấp xã				
3.2 Học viên học xóa mù chữ và GDTTSKBC				
Chia ra: - Xóa mù chữ				
Trong đó: + 15 - 25 tuổi				
+ 26 - 35 tuổi				
+ 36 - 60 tuổi				
- Giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ				
Trong đó: + 15 - 25 tuổi				
+ 26 - 35 tuổi				
+ 36 - 60 tuổi				
3.3 Số học viên học các lớp chuyên đề				
Trong đó: Số lượt học viên học tại các TTHTCD				
Số học viên học tại các TT GDTX và TTGDNN - GDTX				
3.4 Số học viên học tin học (cấp chứng chỉ)				
3.5 Số học viên học ngoại ngữ (cấp chứng chỉ)				
3.6 Số học viên học nghề ngắn hạn (dưới 6 tháng)				
3.7 Số học viên học hướng nghiệp, học nghề phổ thông				
- Trung học cơ sở				
- Trung học phổ thông				
<b>4. Dân số và người mù chữ</b>				
Dân số trong độ tuổi				
Trong đó: + 15 - 25 tuổi				
+ 26 - 35 tuổi				
+ 36 - 60 tuổi				
Người mù chữ trong độ tuổi				
Trong đó: + 15 - 25 tuổi				
+ 26 - 35 tuổi				
+ 36 - 60 tuổi				



(tiếp biểu số 1)

Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Trong tổng số				Nữ	Dân tộc	
			Hợp đồng	Biên chế		Tổng số dân tộc		Nữ	
				Tổng số biên chế	Trình độ				
					Đạt chuẩn				Trên chuẩn
<b>5. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên (Tổng số) = 5.1 + 5.2 + 5.3</b>	Người								
<b>5.1 CBQL, GV, NV trung tâm GDTX và TTGDNN - GDTX</b>	"								
a. CBQL	"								
b. Giáo viên	"								
Chia ra: - GV dạy văn hóa	"								
- GV dạy nghề, chuyên đề	"								
c. Nhân viên <sup>(1)</sup> :	"								
Chia ra: - Nhân viên thư viện	"								
- Nhân viên thí nghiệm	"								
- Nhân viên kỹ thuật nghiệp vụ (2)	"								
- Khác	"								
<b>5.2 CBQL, GV, NV trung tâm NN - TH</b>	"								
Chia ra <b>CBQL - GV - NV trong cơ sở công lập</b>	"								
a1. CBQL	"								
b1. Giáo viên	"								
c1. Nhân viên :	"								
<b>CBQL - GV - NV hợp đồng dài hạn</b>	"								
a2. CBQL	"								
b2. Giáo viên	"								
c2. Nhân viên :	"								
<b>5.3 CBQL, GV, cộng tác viên của TT HTCD</b>	"								
Chia ra: - Cán bộ quản lý	"								
- Giáo viên biệt phái	"								
- Báo cáo viên, cộng tác viên	"								
<b>6. Số trung tâm GDTX đã tổ chức BDTX (theo Thông tư số 26/2012/TT-BGDĐT ban hành Quy chế BDTX GVMN,PT và GDTX; công văn số 8390/BGDĐT-GDTX ngày 06/12/2012 hướng dẫn các trung tâm GDTX tổ chức BDTX cho giáo viên).</b>	trung tâm								

Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Trong đó: XD mới <sup>(3)</sup>
<b>7. Cơ sở vật chất</b>			
<b>Tổng số phòng học, phòng bộ môn và phòng phục vụ học tập của TT GDTX/ HN - DN</b>	Phòng		
- Phòng học	"		
Chia ra: + Phòng kiên cố	"		
+ Phòng bán kiên cố	"		
+ Phòng học tạm	"		
+ Phòng học nhờ, mượn	"		
- Phòng thí nghiệm	"		
- Phòng thư viện	"		

Nội dung		Đơn vị	Tổng số	Trong đó: XD mới <sup>(3)</sup>
	- Phòng máy tính	"		
<b>Tổng số phòng học, phòng bộ môn và phòng phục vụ học tập của TT NN-TH</b>		Phòng		
Trong đó	- Phòng học	"		
	Chia ra: + Phòng kiên cố	"		
	+ Phòng bán kiên cố	"		
	+ Phòng học tạm	"		
	+ Phòng học nhờ, mượn	"		
<b>Số TTHTCĐ có trụ sở riêng</b>		trụ sở		
<b>Số TT HTCĐ có tủ sách riêng</b>		TT		

Ghi chú:

- (1) Bao gồm cả văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế, bảo vệ, thư viện, thí nghiệm và nhân viên phục vụ ...
  - (2) Gồm những người hướng dẫn nghề trong các trường, xưởng trường
  - (3) Số phòng học xây dựng mới đưa vào sử dụng trong năm học và báo cáo lần đầu
- Lưu ý: Không ghi số liệu vào các ô có đánh dấu "x"

**Biểu số 3-GDTX**

Ban hành theo Thông tư

số 39/2011/TT-BGDĐT

ngày 15/9/2011 và TT 41/2011

ngày 22/9/2011 của Bộ trưởng

Thời gian nộp thống kê: trước ngày 10/6/2017

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG BỔ TÚC THCS VÀ THPT**

Năm học: 2017 - 2018

(Có đến 31 tháng 12 năm 2017)

Đơn vị báo cáo: Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Giáo dục và Đào tạo

	Bổ túc THCS (tổng số)	Bổ túc THPT (tổng số)	Chia ra		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
<b>I. Học viên chia theo hạnh kiểm</b>					
- <b>Tốt</b>					
Nữ					
Dân tộc					
Nữ dân tộc					
- <b>Khá</b>					
Nữ					
Dân tộc					
Nữ dân tộc					
- <b>Trung bình</b>					
Nữ					
Dân tộc					
Nữ dân tộc					
- <b>Yếu</b>					
Nữ					
Dân tộc					
Nữ dân tộc					
<b>II. Học viên chia theo học lực</b>					
- <b>Giỏi</b>					
Nữ					
Dân tộc					
Nữ dân tộc					
- <b>Khá</b>					
Nữ					
Dân tộc					
Nữ dân tộc					
- <b>Trung bình</b>					
Nữ					
Dân tộc					
Nữ dân tộc					
- <b>Yếu</b>					
Nữ					

Dân tộc					
Nữ dân tộc					
<b>- Kém</b>					
Nữ					
Dân tộc					
Nữ dân tộc					
<b>III. Học viên bỏ học (giảm)</b>					
<b>IV. Số học viên đăng ký dự thi TNTHPT quốc gia</b>					
<b>V. Tỷ lệ học viên tốt nghiệp</b>					

**Người lập biểu**

*Đắk Nông, ngày... ..tháng 01 năm 2018*

**THỦ TRƯỞNG**